

Họ và tên:

Lớp:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 8**Môn: Toán – Lớp 4****Bộ sách: Kết nối tri thức***Thời gian làm bài: 40 phút***I. TRẮC NGHIỆM** (Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)**Câu 1.** Số 62 570 300 được đọc là:

A. Sáu trăm hai mươi lăm triệu bảy mươi nghìn ba trăm.

B. Sáu hai triệu năm bảy nghìn ba trăm.

C. Sáu mươi hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn ba trăm.

D. Sáu hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn ba trăm.

Câu 2. Trong số 34 652 471, chữ số 3 thuộc hàng nào? Lớp nào?

A. Hàng trăm, lớp đơn vị

B. Hàng nghìn, lớp nghìn

C. Hàng trăm nghìn, lớp nghìn

D. Hàng chục triệu, lớp triệu

Câu 3. Năm 1700 thuộc thế kỉ nào:

A. XVII

B. XVIII

C. XIX

D. XX

Câu 4. 86 phút = giờ phút

A. 1 giờ 6 phút

B. 1 giờ 16 phút

C. 1 giờ 26 phút

D. 1 giờ 36 phút

Câu 5. Tổng của hai số là 456. Số lớn hơn số bé 24 đơn vị. Tìm số bé.

A. 240

B. 216

C. 256

D. 267

Câu 6. Giá trị của biểu thức $2023 \times 15 - 2023 \times 6 + 2023$ là:

A. 20 230

B. 202 300

C. 40 460

D. 18 207

II. TỰ LUẬN**Câu 1.** Đặt tính rồi tính

$121\,948 + 380\,505$

$305\,714 - 251\,806$

$3\,125 \times 13$

$17\,138 : 41$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $26\text{m}^2\,5\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

b) $380\,000\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

Câu 3. Hai xe chở tất cả 56 780 kg gạo. Biết nếu xe thứ nhất chuyển cho xe thứ hai 120 kg gạo thì hai xe chở số gạo bằng nhau. Hỏi mỗi xe chở bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

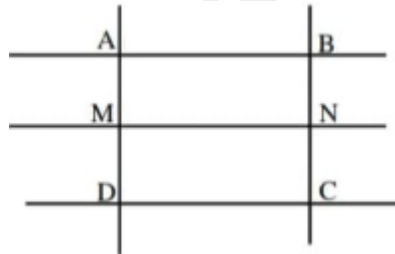
.....

.....

.....

.....

Câu 4. Viết tiếp vào chỗ trống:



Đường thẳng AB song song với các đường thẳng

Đường thẳng MN vuông góc với đường thẳng

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số 62 570 300 được đọc là:

- A. Sáu trăm hai mươi lăm triệu bảy mươi nghìn ba trăm.
- B. Sáu hai triệu năm bảy nghìn ba trăm.
- C. Sáu mươi hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn ba trăm.
- D. Sáu hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn ba trăm.

Phương pháp

Dựa vào cách đọc số có tới ba chữ số theo từng lớp, lần lượt từ lớp triệu, lớp nghìn, lớp đơn vị.

Lời giải

Số 62 570 300 được đọc là: Sáu mươi hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn ba trăm

Đáp án: C

Câu 2. Trong số 34 652 471, chữ số 3 thuộc hàng nào? Lớp nào?

- A. Hàng trăm, lớp đơn vị
- B. Hàng nghìn, lớp nghìn
- C. Hàng trăm nghìn, lớp nghìn
- D. Hàng chục triệu, lớp triệu

Phương pháp

Xác định hàng và lớp của chữ số 3 trong số đã cho.

Lời giải

Trong số 34 652 471, chữ số 3 thuộc hàng chục triệu, lớp triệu.

Đáp án: D

Câu 3. Năm 1700 thuộc thế kỉ nào:

- A. XVII
- B. XVIII
- C. XIX
- D. XX

Phương pháp

Từ năm 1601 đến năm 1700 thuộc thế kỉ XVII

Lời giải

Năm 1700 thuộc thế kỉ XVII.

Đáp án: A

Câu 4. 86 phút = giờ phút

- A. 1 giờ 6 phút
- B. 1 giờ 16 phút
- C. 1 giờ 26 phút
- D. 1 giờ 36 phút

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: 1 phút = 60 giây

Lời giải

86 phút = 1 giờ 26 phút

Đáp án: C**Câu 5.** Tổng của hai số là 456. Số lớn hơn số bé 24 đơn vị. Tìm số bé.

A. 240

B. 216

C. 256

D. 267

Phương pháp

Số bé = (tổng – hiệu) : 2

Lời giảiSố bé là $(456 - 24) : 2 = 216$ **Đáp án: B****Câu 6.** Giá trị của biểu thức $2023 \times 15 - 2023 \times 6 + 2023$ là:

A. 20 230

B. 202 300

C. 40 460

D. 18 207

Phương phápÁp dụng công thức: $a \times b - a \times c = a \times (b - c)$ **Lời giải** $2023 \times 15 - 2023 \times 6 + 2023$ $= 2023 \times 25 - 2023 \times 6 + 2023 \times 1$ $= 2023 \times (15 - 6 + 1) = 2023 \times 10$ $= 20 230$ **Đáp án: A****II. TỰ LUẬN****Câu 1.** Đặt tính rồi tính

121 948 + 380 505

305 714 – 251 806

3 125 × 13

17 138 : 41

Phương pháp

Đặt tính rồi tính theo các quy tắc đã học.

Lời giải

$$\begin{array}{r} 121948 \\ + 380505 \\ \hline 502453 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 305714 \\ - 251806 \\ \hline 53908 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 3125 \\ \quad 13 \\ \hline 9375 \\ 3125 \\ \hline 40625 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 17138 \overline{) 41} \\ \underline{73} \\ 328 \\ \underline{0} \\ 0 \end{array}$$

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm.a) $26\text{m}^2 5\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$ b) $380\,000 \text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$ **Phương pháp**Áp dụng cách đổi: $1\text{m}^2 = 100 \text{dm}^2$; $10\,000 \text{cm}^2 = 1\text{m}^2$ **Lời giải**

a) $26\text{m}^2 5\text{dm}^2 = 2\ 605\ \text{dm}^2$

b) $380\ 000\ \text{cm}^2 = 38\ \text{m}^2$

Câu 3. Hai xe chở tất cả 56 780 kg gạo. Biết nếu xe thứ nhất chuyển cho xe thứ hai 120 kg gạo thì hai xe chở số gạo bằng nhau. Hỏi mỗi xe chở bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Phương pháp

- Tìm số kg gạo lúc đầu xe thứ nhất chở nhiều hơn xe thứ hai
- Số kg gạo xe thứ nhất chở = (tổng + hiệu) : 2
- Số kg gạo xe thứ hai chở = tổng - số kg gạo xe thứ nhất chở

Lời giải

Lúc đầu xe thứ nhất hơn xe thứ hai số ki-lô-gam gạo là:

$$120 \times 2 = 240\ (\text{kg})$$

Xe thứ nhất chở số ki-lô-gam gạo là:

$$(56\ 780 + 240) : 2 = 28\ 510\ (\text{kg})$$

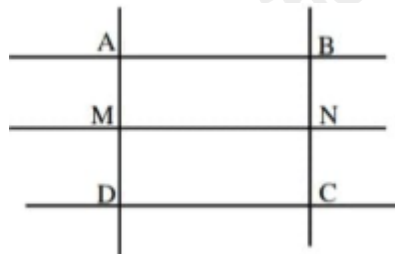
Xe thứ hai chở số ki-lô-gam gạo là:

$$56\ 780 - 28\ 510 = 28\ 270\ (\text{kg})$$

Đáp án: Xe thứ nhất: 28 510 kg

Xe thứ hai: 28 270 kg

Câu 4. Viết tiếp vào chỗ trống:



Đường thẳng AB song song với các đường thẳng

Đường thẳng MN vuông góc với đường thẳng

Phương pháp

Hai đường thẳng song song thì không có điểm chung.

Sử dụng ê ke để xác định các đường thẳng vuông góc.

Lời giải

Đường thẳng AB song song với các đường thẳng **MN, DC**.

Đường thẳng MN vuông góc với đường thẳng **AD, BC**.

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com